

HƯỚNG DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT BUTYL CELLOSOLVE

Phần 1 : Thông tin sản phẩm

Tên gọi : Butyl cellosolve

Họ hóa học : ether

Tên hóa học : Butyl cellosolve

Công thức hóa học : C₄H₉OCH₂CH₂OH

Phần 2 : Thành phần

Chưa có nghiên cứu.

Phần 3 : Nhận biết ngộ độc

Cách đi vào cơ thể : qua da, hít phải hay uống phải.

LD₅₀ LC₅₀ : TLV : 25 pm (qua da).

Kích ứng da và mắt trung bình, độc nếu hít hay uống phải.

Tiếp xúc thường xuyên và kéo dài có thể làm kích ứng màng nhầy.

Phần 4 : Biện pháp xử lý tại chỗ

Nếu tiếp xúc với mắt thì ngay lập tức rửa bằng nước sạch. Nếu uống phải thì ngay lập tức uống thật nhiều nước hoặc sữa tươi, rồi đưa đến bệnh viện. Trường hợp hít phải : di chuyển đến nơi thoáng khí, nếu khó thở cho thở bằng bình oxi, nếu ngừng thở thì tiến hành hô hấp nhân tạo, rồi đưa đến bệnh viện.

Phần 5 : Phòng cháy chữa cháy

Phương tiện chữa cháy : bột, CO₂, hóa chất khô, nước.

Khi có cháy phải trang bị đầy đủ đồ bảo hộ trước khi chữa cháy bao gồm cả thiết bị hỗ trợ hô hấp nếu cần. Dùng nước phun có thể giúp hạ nhiệt độ của các thùng chứa.

Sự cháy sẽ tạo ra khói hay sản phẩm phân hủy đều có độc tính, nếu không thông khí sẽ làm tăng nồng độ sẽ tạo thành hỗn hợp nổ.

Phần 6 : Xử lý sự cố

Trường hợp có sự rò rỉ phải cách ly tất cả các nguồn nhiệt, thu hồi chất lỏng rò rỉ (rò rỉ nhỏ dùng vật liệu khô hấp thụ).

Phần 7 : Bảo quản

Giữ mát, khô, thoáng khí, tránh xa nguồn nhiệt, lửa, đặc biệt lưu ý đến những thùng đã cạn.

Đối với những thùng cạn không cần sử dụng nữa thì phải rửa thật sạch trước khi vứt đi hay tái chế.

Phần 8 : An toàn lao động

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, không chế không cho lượng chất độc vượt quá ngưỡng cho phép.

Phần 9 : Tính chất lý hóa

Dạng tồn tại : chất lỏng trong suốt, không màu, mùi đặc trưng của cellulose.

Điểm bắt lửa : 66°C (150°F)

Giới hạn cháy dưới : 1.1%

Giới hạn cháy trên : 10.6%

Nhiệt độ nóng chảy : -75°C (-103°F)

Khối lượng riêng : 0.9012

Độ tan trong nước : tan hoàn toàn.

% bay hơi : 100

Phần 10 : Độ bền và hoạt tính

Hợp chất bền.

Không bền khi tiếp xúc với nhiệt độ cao.

Sản phẩm phân hủy : CO, CO₂.

Phần 11 : Độ độc

Chưa được nghiên cứu.

Phần 12 : Tác động đến hệ sinh thái

Chưa được nghiên cứu.

Phần 13 : Vận chuyển

Chưa có quy định chung.